

Số: 180 /QĐ-TDTTHCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2024
của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 234/HĐBT ngày 18 tháng 09 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập Trường Đại học Thể dục thể thao II tại Thành phố Hồ Chí Minh nay là Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3656/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1646/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 06 năm 2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Trường Đại học thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-HĐT ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Hội đồng trường về việc phê duyệt Đề án tuyển sinh đại học năm 2024 của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh đại học năm 2024 của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.



Điều 2. Đề án sẽ được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung khi có thông tin mới và được công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển theo đúng thời hạn quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp; các Trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TS*

Nơi nhận:

- Vụ ĐT - Bộ VH, TT & DL (để báo cáo);
- Vụ GDĐH - Bộ GD & ĐT (để báo cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường (để thực hiện);
- Các tổ chức CT-XH (để biết);
- Công thông tin điện tử Trường (để thông báo);
- Lưu: VT, HCTH, ĐQH, Th(18).

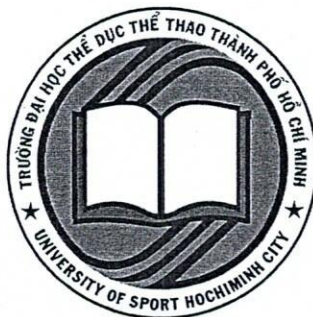


HIỆU TRƯỞNG *TS*

TS. Võ Quốc Thắng



BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2024

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 180/QĐ-TDTTHCM ngày 09 tháng 04 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)*

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 180 /QĐ-TDTTHCM ngày 09 tháng 04 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

- Tên cơ sở đào tạo:** TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên tiếng Anh: UNIVERSITY OF SPORT HO CHI MINH CITY (USH)
- Mã trường:** TDS
- Địa chỉ:** Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://ush.edu.vn>
- Địa chỉ các trang mạng xã hội có thông tin tuyển sinh của Trường:**
<http://tuyensinh.ush.edu.vn>; <http://facebook.com/Tuyensinhdaihocthethao>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 028.3896.1884;
Email: tuyensinh.dhcq@ush.edu.vn;
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:**
Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của trường: <http://ush.edu.vn/cong-khai-giao-duc.html>
Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp:

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu Tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Số SV phản hồi	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)
Lĩnh vực Đào tạo giáo viên						
Giáo dục thể chất	Đại học	140	70	31	31	87.10
Huấn luyện thể thao	Đại học	240	203	107	107	85.98
Lĩnh vực khác						
Y sinh học thể dục thể thao	Đại học	40	20	7	7	57.14
Lĩnh vực Thể dục, thể thao						
Quản lý thể dục thể thao	Đại học	80	49	16	16	87.50
Huấn luyện thể thao	Đại học	0	0	0	0	0
Tổng		500	342	161	161	85.09

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất.

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của năm 2022, 2023 trên trang thông tin điện tử của trường: <http://tuyensinh.ush.edu.vn/dai-hoc.html>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

Số TT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển sinh 2022			X	
2	Năm tuyển sinh 2023			X	

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

Số TT	Khối ngành/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Nhóm ngành I	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển						
1.1	Giáo dục thể chất		20	19	24	40	18	35
1.2	Huấn luyện thể thao							
2	Nhóm ngành VI							
2.1	Y sinh học TĐTT		40	24	21	400	31	23
3	Nhóm ngành VII							
3.1	Quản lý TĐTT		80	28	21	40	39	23
3.2	Huấn luyện thể thao		340	354	21	400	515	23
	Tổng		480	425		520	603	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường: <http://tuyensinh.ush.edu.vn/dai-hoc.html>

Số TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất
1	Giáo dục thể chất	7140206	5819/QĐ-BGDĐT	12/12/2010	1153/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ GDĐT	1985	2023
2	Huấn luyện thể thao	7810302	5819/QĐ-BGDĐT	12/12/2010	09/2022/TT-BGDĐT	06/06/2022	Bộ GDĐT	1985	2023
3	Y sinh học thể dục thể thao	7729001	5965/QĐ-BGDĐT	28/11/2011	1153/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ GDĐT	2011	2023
4	Quản lý thể dục thể thao	7810301	5965/QĐ-BGDĐT	28/11/2011	1153/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ GDĐT	2011	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng:

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường: <http://tuyensinh.ush.edu.vn/dai-hoc.html>

10.1. Quy mô đào tạo chính quy tính đến ngày 31/12/2023 (người học):

Số TT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục	91401	52
1.1.1	Ngành Giáo dục học	9140101	52
2	Thạc sĩ		
2.1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục	81401	114
2.1.1	Ngành Giáo dục học (8140101)	8140101	114
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		1861
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Lĩnh vực Đào tạo giáo viên	71402	748
3.1.1.1.1	Ngành Giáo dục thể chất	7140206	172
3.1.1.1.2	Ngành Huấn luyện thể thao	7140207	576
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Lĩnh vực khác	77290	103
3.1.2.1.1	Ngành Y sinh học thể dục thể thao	7729001	103
3.1.2.2	Lĩnh vực Thể dục, thể thao	78103	1010
3.1.2.2.1	Ngành Quản lý thể dục thể thao	7810301	141
3.1.2.2.2	Ngành Huấn luyện thể thao (áp dụng từ 22/07/2022)	7810302	869
4	Đại học vừa làm vừa học		
4.1	Vừa làm vừa học		589
4.1.1	Lĩnh vực Đào tạo giáo viên	71402	332
4.1.1.1	Ngành Giáo dục thể chất	7140206	0
4.1.1.2	Ngành Huấn luyện thể thao	7140207	332
4.1.2	Lĩnh vực khác	77290	0
4.1.2.1	Ngành Y sinh học thể dục thể thao	7729001	0
4.1.3	Lĩnh vực Thể dục, thể thao	78103	257

4.1.3.1	Ngành Quản lý thể dục thể thao	7810301	44
4.1.3.2	Ngành Huấn luyện thể thao (áp dụng từ 22/07/2022)	7810302	213

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 121.000 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 500 chỗ.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 57.95 m²/sinh viên

Số TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	33	13292
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	8336
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	1200
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	0	0
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	20	3000
6	Số phòng học đa phương tiện	0	0
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	5	756
8	Thư viện, trung tâm học liệu	1	768
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, sơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	1	49750

10.2.2. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện:

Số TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	10410
2	Nhóm ngành VI	1123
3	Nhóm ngành VII	2125

10.2.3. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

Số TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1	Phòng Sinh lý	- Máy phản xạ di động	Nhóm ngành I, VI, VII
2	Phòng Sinh lý	- Máy đo hình dáng cơ thể	Nhóm ngành I, VI, VII
3	Phòng Sinh lý	- Thước đo hình thái	Nhóm ngành I, VI, VII
4	Phòng Sinh lý	- Máy đo lực các khớp	Nhóm ngành I, VI, VII
5	Phòng Sinh lý	- Lực lưng Back 5002	Nhóm ngành I, VI, VII
6	Phòng Sinh lý	- Thước đo hình thái	Nhóm ngành I, VI, VII
7	Phòng Sinh lý	- Lực kế bóp tay	Nhóm ngành I, VI, VII
8	Phòng Sinh lý	- Phế dung kế điện từ	Nhóm ngành I, VI, VII
9	Phòng Sinh lý	- Phế dung kế	Nhóm ngành I, VI, VII
10	Phòng Sinh lý	- Hệ thống kiểm tra y sinh và tổ chất thể lực THP ² tổ hợp gồm 8 máy (Hàn Quốc).	Nhóm ngành I, VI, VII
11	Phòng Sinh lý	- Máy gõ nhịp	Nhóm ngành I, VI, VII
12	Phòng Sinh lý	- Máy đo điện tim từ xa	Nhóm ngành I, VI, VII
13	Phòng Sinh lý	- Máy điện tim xách tay	Nhóm ngành I, VI, VII
14	Phòng Sinh lý	- Hệ thống đo lường công năng Tim mạch, Hô hấp, trao đổi năng lượng vận động (Cotex Metamax 3B) (Đức).	Nhóm ngành I, VI, VII
15	Phòng Sinh lý	- Thiết bị kiểm tra đánh giá trương lực cơ – ME6000	Nhóm ngành I, VI, VII
16	Phòng Sinh lý	- Thiết bị đo thành phần kết cấu cơ thể - Tanita mc780ma	Nhóm ngành I, VI, VII
17	Phòng Sinh lý	- Hệ thống Metamax Swim	Nhóm ngành I, VI, VII
18	Phòng Sinh lý	- Thiết bị kiểm tra khả năng chạy vượt ngưỡng.	Nhóm ngành I, VI, VII
19	Phòng Sinh lý	- Băng chuyền (Treadmill).	Nhóm ngành I, VI, VII
20	Phòng Sinh lý	- Máy phân tích tổng hợp Meta max 3B	Nhóm ngành I, VI, VII
21	Phòng Sinh lý	- Máy đo phản xạ	Nhóm ngành I, VI, VII

22	Phòng Sinh lý	- Máy đo Stepping	Nhóm ngành I, VI, VII
23	Phòng Sinh lý	- Điện tâm đồ ECG S.110	Nhóm ngành I, VI, VII
24	Phòng Sinh hóa	- Máy phân tích khí máu	Nhóm ngành I, VI, VII
25	Phòng Sinh hóa	- Máy phân tích nước tiểu	Nhóm ngành I, VI, VII
26	Phòng Sinh hóa	- Máy hút âm Whislpool	Nhóm ngành I, VI, VII
27	Phòng Sinh hóa	- Kính hiển vi Olympus	Nhóm ngành I, VI, VII
28	Phòng Sinh hóa	- Máy ly tâm Kubota 2100	Nhóm ngành I, VI, VII
29	Phòng Sinh hóa	- Máy sinh hóa Reflitrion	Nhóm ngành I, VI, VII
30	Phòng Sinh hóa	- Máy đo Acidlatic	Nhóm ngành I, VI, VII
31	Phòng Sinh hóa	- Máy đo độ PH	Nhóm ngành I, VI, VII
32	Phòng huấn luyện độ cao	- Băng chuyền Star Track	Nhóm ngành I, VI, VII
33	Phòng huấn luyện độ cao	- Hệ thống thay đổi nồng độ O2, N2, CO2	Nhóm ngành I, VI, VII
34	Phòng Sinh cơ học vận động	- Thiết bị đo lực cơ (Biodex)	Nhóm ngành I, VI, VII
35	Phòng Sinh cơ học vận động	- Lực bật nhảy kistler Quats Jump	Nhóm ngành I, VI, VII
36	Phòng Sinh cơ học vận động	- Thiết bị phân tích chuyển động thể thao 3D -Simi motion	Nhóm ngành I, VI, VII
37	Phòng Sinh cơ học vận động	- Thiết bị đo lực dậm nhảy	Nhóm ngành I, VI, VII

10.3. Danh sách giảng viên:

10.3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1	Bùi Thị Hương		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
2	Dương Thị Thùy Linh		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
3	Đặng Ngọc Trung		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
4	Đỗ Thị Huệ		Thạc sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo dục thể chất
5	Đỗ Thị Vĩnh Linh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
6	Hà Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
7	Hà Thị Kim Thoa		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
8	Kiều Việt Hưng		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
9	Lê Anh Duy		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
10	Lê Minh Thiện		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
11	Lê Thị Mỹ Hạnh		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
12	Lê Thiết Can	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
13	Lê Văn Hưng		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
14	Lương Thành Tài		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
15	Lưu Thiên Sương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
16	Mai Thanh Tùng		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
17	Ngô Hồng Việt		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
18	Ngô Tuấn Anh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
19	Nguyễn Bảo Ninh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
20	Nguyễn Mĩ Hương Lan		Thạc sĩ	Hoa văn	Giáo dục thể chất
21	Nguyễn Ngọc Tuấn		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
22	Nguyễn Thanh Hà		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
23	Nguyễn Thành Luân		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
24	Nguyễn Thanh Tùng		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
25	Nguyễn Thị Ánh		Thạc sĩ	Tâm lý giáo dục	Giáo dục thể chất
26	Nguyễn Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
27	Nguyễn Trần Phúc		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
28	Nguyễn Trung Kiên		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
29	Nguyễn Trương Thúy Quỳnh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
30	Phạm Hùng Việt		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
31	Phạm Minh Toàn		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
32	Phạm Thành Công		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
33	Phạm Thị Phương Loan		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
34	Phạm Trung Hiệp		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
35	Phạm Trường Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
36	Phan Thanh Cảnh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
37	Tạ Hoàng Thiện		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
38	Thông Hùng Chính		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
39	Trần Hồng Quang	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
40	Trần Minh Hiếu		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
41	Trần Quang Đạo		Thạc sĩ	Anh văn	Giáo dục thể chất
42	Trịnh Thị Thảo		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
43	Võ Phạm Nha		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
44	Võ Thị Thiên Dung		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục thể chất
45	Bùi Thu Hiền		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
46	Bùi Trọng Toại	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
47	Bùi Văn Hưng		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
48	Cao Trường Sơn		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
49	Diệp Thanh Phong		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
50	Dương Thanh Bình		Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
51	Đặng Thị Xuân Diệu		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
52	Hoàng Đức Quý		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
53	Hồ Hải		Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
54	Huỳnh Văn Ngon		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
55	Khương Bá Hào		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
56	Lê Hồng Khôi		Thạc sĩ	Hoa văn	Huấn luyện thể thao
57	Lương Diễm Oanh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
58	Lý Vĩnh Trường	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
59	Mai Toàn Thịnh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
60	Ninh Bá Vinh		Thạc sĩ	Triết học	Huấn luyện thể thao
61	Ngô Xuân Tăng		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
62	Nguyễn Anh Thuận		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
63	Nguyễn Công Quân		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
64	Nguyễn Doãn Quang		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
65	Nguyễn Hoàng Dũng		Đại học	Anh văn	Huấn luyện thể thao
66	Nguyễn Hoàng Tấn		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
67	Nguyễn Hương Liên		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
68	Nguyễn Hữu Hoàng Phúc		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
69	Nguyễn Minh Trí		Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
70	Nguyễn Thanh Bình		Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
71	Nguyễn Thành Ngọc		Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
72	Nguyễn Thị Hoàng Dung		Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
73	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
74	Nguyễn Thị Từ		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
75	Nguyễn Thị Thu Sương		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
76	Nguyễn Trọng Lợi		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
77	Nguyễn Văn Tạng		Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
78	Phạm Thị Kim Liên		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
79	Phạm Văn Tuấn		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
80	Trần Thị Kim Hương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
81	Trần Thị Văn Khoan		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
82	Trịnh Đình Dương		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
83	Võ Tiến Dũng		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
84	Võ Văn Hào		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
85	Vũ Đình Mai		Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
86	Vũ Thị Ánh Tuyết		Thạc sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
87	Vũ Văn Huế		Tiến sĩ	Giáo dục học	Huấn luyện thể thao
88	Chu Thị Bích Vân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
89	Đinh Thị Xuê		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
90	Lê Mai Quỳnh Dương		Thạc sĩ	Triết học	Quản lý thể dục thể thao
91	Mai Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
92	Nguyễn Bạch Ngọc		Thạc sĩ	Anh Văn	Quản lý thể dục thể thao
93	Nguyễn Công Út		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
94	Nguyễn Duy Khánh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
95	Nguyễn Duy Thành		Tiến sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
96	Nguyễn Đăng Thuyền		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
97	Nguyễn Lê Hạnh Phúc		Thạc sĩ	Anh văn	Quản lý thể dục thể thao
98	Nguyễn Thành Công		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
99	Nguyễn Thanh Tú		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
100	Nguyễn Thị Hồng Thắm		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
101	Nguyễn Thị Minh Thủy		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
102	Nguyễn Thị Thanh Trà		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
103	Nguyễn Thị Thảo Vy		Tiến sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
104	Nguyễn Thiện Quang		Tiến sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
105	Nguyễn Văn Hoàng		Tiến sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
106	Phạm Bá Cường		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
107	Phạm Thành Tấn		Tiến sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
108	Phạm Thị Hiền		Tiến sĩ	Giáo dục học	Quản lý thể dục thể thao
109	Đinh Tấn Thảo		Thạc sĩ	Giáo dục học	Y sinh học thể dục thể thao
110	Hoa Ngọc Thắng		Tiến sĩ	Giáo dục học	Y sinh học thể dục thể thao
111	Lê Đức Thọ		Thạc sĩ	Giáo dục học	Y sinh học thể dục thể thao
112	Lê Viết Lâm		Thạc sĩ	Giáo dục học	Y sinh học thể dục thể thao
113	Lý Thị Thanh Thảo		Thạc sĩ	Anh văn	Y sinh học thể dục thể thao
114	Nguyễn Đăng Chiêu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Y sinh học thể dục thể thao
115	Nguyễn Văn Thanh		Đại học	Hoa văn	Y sinh học thể dục thể thao

11/05/2024

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
116	Phan Thái Anh		Thạc sĩ	Giáo dục học	Y sinh học thể dục thể thao
117	Vũ Việt Bảo	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục học	Y sinh học thể dục thể thao
Tổng số giảng viên toàn trường			117 giảng viên		

117 10 34

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường: <http://tuyensinh.ush.edu.vn/dai-hoc.html>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy:

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học:

1.1. Đối tượng tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh:

Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 1.5.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

1.3.1. Phương thức 1: (Mã phương thức: 405)

Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 với điểm thi năng khiếu (NK) để xét tuyển cho tất cả các ngành đào tạo.

1.3.2. Phương thức 2: (Mã phương thức: 406)

Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (cả năm lớp 11 hoặc cả năm lớp 12) với điểm thi năng khiếu để xét tuyển cho tất cả các ngành đào tạo.

1.3.3. Phương thức 3: (Mã phương thức: 301)

Xét tuyển thẳng theo quy định của Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: chỉ tiêu theo ngành/ nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo:

Số TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	8	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
				406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	10	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) ¹	2	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
				405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	15	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
2	Đại học	7729001	Y sinh học thể dục thể thao	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	20	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	5	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1

¹ Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Số TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3	Đại học	7810301	Quản lý thể dục thể thao	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	15	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
				406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	20	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	5	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
4	Đại học	7810302	Huấn luyện thể thao	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	200	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
				406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	300	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	15	T00	NK1	T04	NK1	T05	NK1	T06	NK1

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.5.1. Phương thức 1: Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và điểm năng khiếu phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10).

1.5.2. Phương thức 2:

❖ Ngành Giáo dục thể chất:

Đối với thí sinh không phải là vận động viên: Có học lực cả năm lớp 12 xếp từ loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên và điểm năng khiếu phải đạt từ 5.0 trở lên (theo thang điểm 10).

Đối với thí sinh là vận động viên cấp 1, dự bị kiện tướng, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

❖ Ngành Huấn luyện thể thao; ngành Quản lý thể dục thể thao (TDTT) và ngành Y sinh học thể dục thể thao:

Điểm năng khiếu phải đạt từ 5.0 trở lên (theo thang điểm 10).

1.5.3. Phương thức 3: Theo quy định của Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào các ngành của Trường:

1.6.1. Mã Trường: TDS

1.6.2. Ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển và mã phương thức xét tuyển:

Số TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển		
					Phương thức 1	Phương thức 2	Phương thức 3
1	Giáo dục thể chất	7140206	20	- T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu thể dục thể thao - T04: Toán, Vật lí, Năng khiếu thể dục thể thao - T05: Ngữ văn, GD&ĐT, Năng khiếu thể dục thể thao - T06: Toán, Địa lí, Năng khiếu thể dục thể thao	405	406	301
2	Huấn luyện thể thao	7810302	515				
3	Y sinh học thể dục thể thao	7729001	40				
4	Quản lý thể dục thể thao	7810301	40				

1.6.3. Cách thức tính điểm:

* Đối với các môn văn hóa:

- Phương thức 1: Sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
- Phương thức 2: Sử dụng điểm học tập cấp THPT (điểm trung bình cao nhất của cả năm lớp 11 hoặc cả năm lớp 12).

- Phương thức 3: theo quy định của Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

* **Đối với môn năng khiếu:** Điểm thi nhân hệ số 2.

❖ **Điểm trung bình xét tuyển các tổ hợp:**

- **Điểm tổ hợp xét tuyển Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT (T00) :**

Điểm xét tuyển = Điểm môn Toán + Điểm môn sinh học + [Điểm năng khiếu x 2] + Điểm ưu tiên (nếu có).

- **Điểm tổ hợp xét tuyển Toán, Vật lý, NK TDTT (T04):**

Điểm xét tuyển = Điểm môn Toán + Điểm môn Vật lý + [Điểm năng khiếu x 2] + Điểm ưu tiên (nếu có).

- **Điểm tổ hợp xét tuyển Ngữ Văn, GDCD, NK TDTT (T05):**

Điểm xét tuyển = Điểm môn Ngữ văn + Điểm môn GDCD + [Điểm năng khiếu x 2] + Điểm ưu tiên (nếu có).

- **Điểm tổ hợp xét tuyển Toán, Địa lý, NK TDTT (T06)**

Điểm xét tuyển = Điểm môn Toán + Điểm môn Địa lý + [Điểm năng khiếu x 2] + Điểm ưu tiên (nếu có).

+ **Điểm ưu tiên:** là điểm ưu tiên Khu vực và Đối tượng theo quy định của Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên

1.6.4. Tiêu chí xét tuyển:

Tiêu chí 1:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Tiêu chí 2:

- Cơ thể cân đối, có sức khỏe tốt, không bị dị tật, dị hình, đảm bảo học tập và công tác thể dục thể thao lâu dài.

Tiêu chí 3: Sử dụng cho 02 phương thức:

- Phương thức 1: Có đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển đại học; đạt ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 2: Đáp ứng yêu cầu theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành xét tuyển (theo mục 1.5).

Tiêu chí 4:

Có tham dự thi tuyển môn năng khiếu tại Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh (đối với thí sinh không được miễn thi môn năng khiếu).

1.6.5. Nguyên tắc xét tuyển:

Đối với thí sinh đáp ứng 4 tiêu chí xét tuyển ở mục 1.6.4 lấy điểm từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu dự kiến của ngành theo thứ tự nguyện vọng đăng ký của thí sinh. Thí sinh không trúng tuyển vào ngành thứ nhất sẽ được xét vào ngành thứ hai theo nguyện vọng ĐKXT. Nguyên tắc xét tuyển giữa 2 ngành là: xét hết nguyện vọng 1 sau đó còn chỉ tiêu mới xét nguyện vọng 2.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

1.7.1. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký: dự kiến

☛ **Đợt 1:** Bắt đầu từ tháng 4/2024.

1.7.2. Thời gian thi năng khiếu: dự kiến

☛ **Đợt 1:** Tháng 7/2024.

1.7.3. Địa điểm thi năng khiếu: Tại Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Tùy theo tình hình tuyển sinh, nhà trường sẽ thông báo về thời gian thi tuyển của các đợt tuyển sinh bổ sung tiếp theo.**

1.7.4. Hình thức đăng ký dự tuyển và thi môn năng khiếu:

+ Đăng ký trực tuyến tại đường link: <https://tuyensinh.page.link/ush>

+ Nộp trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (bộ phận Đào tạo) Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.3896.1884.

+ Hồ sơ xét tuyển gồm có:

1. Phiếu đăng ký xét tuyển (mẫu 1);
2. Học bạ THPT bản photo công chứng (nộp sau khi có kết quả học tập cả năm lớp 12);
3. Bằng Tốt nghiệp THPT (bản photo công chứng) đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 trở về trước hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (bản photo công chứng) đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 (nộp sau khi có kết quả tốt nghiệp THPT năm 2024);
4. Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 (bản photo công chứng);
5. Chứng minh nhân dân hoặc công cước công dân (bản photo);
6. Một phong bì đã dán sẵn tem có ghi rõ địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thí sinh (tại chỗ người nhận) để trường thông báo kết quả xét tuyển;
7. 01 ảnh 3x4 (phía sau ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm sinh).
8. Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên nếu có (bản photo công chứng).

Nếu thí sinh là VĐV thuộc đối tượng ưu tiên xét tuyển thì nộp thêm:

- Đơn xin ưu tiên xét tuyển (mẫu 2);
- Quyết định công nhận đẳng cấp VĐV hoặc bản sao công chứng giấy chứng nhận huy chương vàng, bạc, đồng của các giải vô địch Quốc gia; Đại hội TDTT toàn quốc; giải hội khỏe Phù Đổng toàn quốc; các giải trẻ vô địch quốc gia, quốc tế; các giải thể thao học sinh toàn quốc.

Nếu thí sinh là VĐV thuộc diện tuyển thẳng thì nộp thêm:

- Đơn xin tuyển thẳng (mẫu 2);
- Bản sao công chứng Quyết định cử VĐV đi thi đấu tại các giải Quốc tế chính thức được quy định theo mục 1.8.2 của đề án này.
- Bản sao công chứng Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu hoặc giấy chứng nhận huy chương.

1.7.5. Nội dung thi môn Năng khiếu:

Tùy theo tình hình thực tế, nhà trường sẽ thông báo hình thức thi năng khiếu cho thí sinh trước ngày thi năng khiếu.

1.7.5.1. Đối với hình thức thi năng khiếu trực tuyến:

Thí sinh thực hiện 02 bài test thông qua các ứng dụng do nhà trường cung cấp, bao gồm:

1. Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây).
2. Nằm sấp chống đẩy (lần/30 giây).

1.7.5.2. Đối với hình thức thi trực tiếp tại trường:

a. Áp dụng đối với ngành Huấn luyện thể thao:

Thí sinh chọn 01 trong các môn năng khiếu sau:

- | | |
|--------------------|----------------------|
| 1. Điền kinh (901) | 8. Bóng chuyền (908) |
| 2. Thể dục (902) | 9. Bóng ném (909) |
| 3. Bơi lội (903) | 10. Cờ vua (910) |
| 4. Bóng đá (904) | 11. Võ thuật (911) |
| 5. Cầu lông (905) | 12. Vật – Judo (912) |
| 6. Bóng rổ (906) | 13. Bắn súng (913) |
| 7. Bóng bàn (907) | 14. Quần vợt (914) |

b. Áp dụng đối với ngành Giáo dục thể chất; ngành Quản lý thể dục thể thao và ngành Y sinh học thể dục thể thao: Năng khiếu chung

Ghi chú:

Thí sinh đăng ký ngành Huấn luyện thể thao không đăng ký môn thi năng khiếu chung.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.8.1. Chế độ ưu tiên theo khu vực và đối tượng: Thực hiện theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.8.2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển thẳng:

- Thí sinh là Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thể giới, Cúp thể giới, Thể vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Lưu ý: Thời gian được tính để hưởng chế độ tuyển thẳng là không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng vào trường.

1.8.3. Đối tượng ưu tiên xét tuyển (miễn thi năng khiếu và đạt điểm 10):

Thí sinh đoạt huy chương tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc; các giải thể dục thể thao cấp quốc gia; các giải trẻ quốc gia; Hội khỏe phù đồng toàn quốc; các giải thể thao học sinh toàn quốc tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục TDTT, các Liên Đoàn, Hiệp hội thể thao có quyết định công nhận là Cấp 1 quốc gia, Dự bị kiện tướng, kiện tướng quốc gia, kiện tướng quốc tế đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trong năm 2024.

Lưu ý: Thời gian được tính để hưởng chế độ ưu tiên xét tuyển là không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển vào trường.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Theo quy định hiện hành.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy: 15.000.000 đồng/1SV/1 năm học (thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh bổ sung trong năm:

☞ **Đợt 2: Tháng 8/2023.**

1.12. Cam kết của Trường trong những trường hợp rủi ro: Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam; theo đúng quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế tuyển sinh của Nhà trường.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- Tiền khám sức khỏe: 100.000 đồng/ 01SV.
- Tiền bảo hiểm tai nạn: 45.000 đồng/ 01SV/1 năm.
- Tiền bảo hiểm y tế: 850.500 đồng/15 tháng/1SV.
- Tiền ở KTX (đăng ký theo tiêu chuẩn quy định): 4.500.000/1SV/10 tháng.
- Tiền may quần áo đồng phục thực hành và lý thuyết: theo thực tế.
- Thí sinh trúng tuyển ngành Giáo dục thể chất khi làm thủ tục nhập học phải đăng ký học chuyên ngành theo hướng dẫn của Trường.

- Thí sinh trúng tuyển ngành Giáo dục thể chất khi làm thủ tục nhập học không được chuyển sang các ngành khác và thí sinh trúng tuyển các ngành khác không được chuyển sang ngành Giáo dục thể chất.

- Thí sinh trúng tuyển ngành Huấn luyện thể thao khi làm thủ tục nhập học nếu số lượng thí sinh theo môn thi năng khiếu ít thì sẽ đăng ký chuyển sang các chuyên ngành khác theo hướng dẫn của Trường.

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 18 tỷ.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm 2023: 5.000.000/1SV.

III. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học:

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 1.5.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

1.3.1. Phương thức 1: (Mã phương thức: 500)

Xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT kết hợp với thi tuyển năng khiếu cho tất cả các ngành đào tạo.

1.3.2. Phương thức 2: (Mã phương thức: 301)

Xét tuyển thẳng theo quy định của Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản mở đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc Trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đại học	7729001	Y sinh học thể dục thể thao	500	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	15	1153/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) ²	5				
2	Đại học	7810301	Quản lý thể dục thể thao	500	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	25	1153/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	5				
3	Đại học	7810302	Huấn luyện thể thao	500	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	90	09/2022/TT-BGDĐT	06/06/2022	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1995
				301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	10				

² Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Ngưỡng đầu vào:

1.5.1. Phương thức 1:

Điểm năng khiếu phải đạt từ 5.0 trở lên (theo thang điểm 10).

1.5.2. Phương thức 2: Theo quy định của Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của Trường:

1.6.1. Mã Trường: TDS

1.6.2. Ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển và mã phương thức xét tuyển:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Mã phương thức xét tuyển	
				Phương thức 1	Phương thức 2
1	Huấn luyện thể thao	7810302	100	500	301
2	Y sinh học thể dục thể thao	7729001	20		
3	Quản lý thể dục thể thao	7810301	30		

1.6.3. Quy trình tuyển sinh:

- Quảng bá, phát hành thông tin tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh, ra thông báo tuyển sinh.
- Thí sinh nộp hồ sơ tại Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đơn vị liên kết đào tạo.
- Thu nhận, thẩm định hồ sơ, lập danh sách trình Hội đồng tuyển sinh, tổ chức thi năng khiếu, chấm điểm và ra quyết định trúng tuyển.

1.6.4. Nguyên tắc xét tuyển:

- Hội đồng xét tuyển có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo thứ tự ưu tiên, theo kết quả thi năng khiếu và chỉ lấy đến khi đủ chỉ tiêu tuyển sinh.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

1.7.1. Thời gian đăng ký và địa điểm thi môn năng khiếu (dự kiến):

- Thời gian đăng ký:
+ **Đợt 1:** Tháng 8/2024.
- **Địa điểm thi năng khiếu:** Tại Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.7.2. Hình thức đăng ký dự tuyển và thi môn năng khiếu:

+ Nộp trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (bộ phận Đào tạo) Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.3896.1884.

+ Hồ sơ xét tuyển gồm có:

1. Phiếu đăng ký xét tuyển (mẫu 3);
2. Học bạ THPT bản photo công chứng (nộp sau khi có kết quả học tập cả năm lớp 12);
3. Bằng Tốt nghiệp THPT (bản photo công chứng) đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 trở về trước hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (bản photo công chứng) đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 (nộp sau khi có kết quả tốt nghiệp THPT năm 2024);
4. Chứng minh nhân dân hoặc công cước công dân (bản photo);
5. Một phong bì đã dán sẵn tem có ghi rõ địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thí sinh để trường thông báo kết quả xét tuyển;
6. 01 ảnh 3x4 (phía sau ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm sinh).
7. Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên nếu có (bản photo công chứng).

Nếu thí sinh là VĐV thuộc đối tượng ưu tiên xét tuyển thì nộp thêm:

- Đơn xin ưu tiên xét tuyển (mẫu 4);
- Quyết định công nhận đẳng cấp VĐV hoặc bản sao công chứng giấy chứng nhận huy chương vàng, bạc, đồng của các giải vô địch Quốc gia; Đại hội TDTT toàn quốc; giải hội khỏe Phù Đổng toàn quốc; các giải trẻ vô địch quốc gia, quốc tế; các giải thể thao học sinh toàn quốc.

Nếu thí sinh là VĐV thuộc diện tuyển thẳng thì nộp thêm:

- Đơn xin tuyển thẳng (mẫu 4);
- Bản sao công chứng Quyết định cử VĐV đi thi đấu tại các giải Quốc tế chính thức được quy định theo mục 1.8.2 của đề án này.
- Bản sao công chứng Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu hoặc giấy chứng nhận huy chương.

1.7.3. Nội dung thi môn Năng khiếu:

1. Bật xa tại chỗ (cm);
2. Lực bóp tay (kg);
3. Chạy 60m (s).

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.8.1. Chế độ ưu tiên theo khu vực và đối tượng: Thực hiện theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

kèm theo Quyết định 12/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

1.8.2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển thẳng:

- Thí sinh là Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Lưu ý: Thời gian được tính để hưởng chế độ tuyển thẳng là không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng vào trường.

1.8.3. Đối tượng ưu tiên xét tuyển (miễn thi năng khiếu và đạt điểm 10):

Thí sinh đoạt huy chương tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc; các giải thể dục thể thao cấp quốc gia; các giải trẻ quốc gia; Hội khỏe phù đồng toàn quốc; các giải thể thao học sinh toàn quốc tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục TDTT, các Liên Đoàn, Hiệp hội thể thao có quyết định công nhận là Cấp 1 quốc gia, Dự bị kiện tướng, kiện tướng quốc gia, kiện tướng quốc tế đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương năm 2023.

Lưu ý: Thời gian được tính để hưởng chế độ ưu tiên xét tuyển là không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển vào trường.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Theo quy định hiện hành.

2.10. Học phí dự kiến: 21.000.000 đồng/1SV/1 năm học (thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023).

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm:

- Đợt 2: Tháng 10/2024./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2024 *TS*

Cán bộ kê khai
Nguyễn Tấn Minh Thanh
Email: ng.tanminhthanh@ush.edu.vn
Điện thoại: 0832394390



HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Quốc Thắng